

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Số: 14/2021/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bạc Liêu, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ
dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước
tỉnh Bạc Liêu năm 2022**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của
Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của
Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường
xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Xét Tờ trình số 157/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh “về việc thông qua nghị quyết ban hành Quy định về các nguyên
tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà
nước tỉnh Bạc Liêu năm 2022”; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách
của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo nghị quyết này quy định về các nguyên tắc, tiêu
chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước tỉnh Bạc
Liêu năm 2022.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.
- b) Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao.
- c) Các đơn vị sự nghiệp công lập.
- d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước.

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu Khóa X kỳ họp thứ tư thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2021; áp dụng cho năm ngân sách 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách Nhà nước theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ TP;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND; UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: TC, KH và ĐT, TP;
- TT. HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu (NH).



CHỦ TỊCH *Mal*

Lữ Văn Hùng



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách Nhà nước tỉnh Bạc Liêu năm 2022**

*(Kèm theo Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nguyên tắc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước

1. Về tiêu chí để tính định mức phân bổ dự toán ngân sách chi thường xuyên năm 2022 cho các đơn vị, địa phương tính theo những đối tượng liên quan trực tiếp đối với từng lĩnh vực chi như: Biên chế (*quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể, sự nghiệp giáo dục,...*), dân số (*sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch, phát thanh, truyền thanh,...*).

2. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách Nhà nước. Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách Nhà nước, góp phần cơ cấu lại ngân sách Nhà nước, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội theo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị và địa phương.

Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách Nhà nước. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách Nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập.

Tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, dễ kiểm tra và giám sát; bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch.

Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý hành chính của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước với yêu cầu triệt để tiết kiệm; giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo, các đoàn đi công tác nước ngoài.

3. Định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương nêu ở Chương II của quy định này là cơ sở để tính phân bổ giao dự toán chi ngân sách năm 2022 cho từng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; từng huyện, thị xã, thành phố (*bao gồm cả xã, phường, thị trấn*) và được áp dụng cho cả thời kỳ ổn định ngân sách, trong đó:

a) Đối với nhóm chi cho con người: ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao), bao gồm: tiền lương, phụ cấp lương (kể cả các khoản phụ cấp đặc thù như: phụ cấp nghề thanh tra, kiểm tra; phụ cấp ưu đãi ngành giáo dục, y tế; phụ cấp cấp ủy Đảng; phụ cấp độc hại, trách nhiệm, phụ cấp công vụ,...), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn), được tính theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng.

Nguyên tắc xây dựng dự toán hàng năm trên cơ sở lương của những người có mặt thực tế năm trước năm xây dựng dự toán của đơn vị, địa phương. Tháng 9 hàng năm, các đơn vị, địa phương xác định lại nhu cầu nhóm chi con người trong năm so với dự toán đã được giao nếu có tăng cấp bổ sung, giảm chuyển sang năm sau và đồng thời làm cơ sở lập dự toán năm sau.

b) Đối với chi hoạt động thường xuyên:

- Tiêu chí tính theo biên chế: kinh phí hoạt động là định mức nhân (x) với số biên chế được giao. Cách tính: tính lũy thoái theo từng nhóm biên chế tương ứng với số biên chế được giao.

Đối với các đơn vị dự toán trực thuộc được cấp có thẩm quyền giao chỉ tiêu biên chế cụ thể, tiêu chí tính theo biên chế thì định mức phân bổ dự toán được tính theo số lượng biên chế của từng đơn vị, sau đó, 6 tính cộng chung để phân bổ giao dự toán cho cơ quan chủ quản (đơn vị dự toán cấp I).

- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động đối với các cơ quan hành chính do ngân sách Nhà nước đảm bảo và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên ngoài quỹ tiền lương hàng tháng của đơn vị; đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và tự bảo đảm chi thường xuyên thì kinh phí thực hiện các công việc này được lấy từ nguồn tài chính ngoài tiền lương hàng năm của đơn vị sự nghiệp công theo quy định.

- Hỗ trợ định suất theo cấp thẩm quyền giao.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và tài chính, ngân sách hỗ trợ chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể:

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đối với dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành và theo giá do cơ quan có thẩm quyền quy định theo pháp luật về giá. Ngân sách Nhà nước không hỗ trợ kinh phí chi hoạt động thường xuyên.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành và theo giá, phí do cơ quan có thẩm quyền quy định chưa tính đủ chi phí. Đơn vị sử dụng nguồn thu sự nghiệp theo quy định để bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên, phần còn lại được ngân sách Nhà nước cấp nhưng không vượt quá mức định mức phân bổ tương ứng với lĩnh vực hoạt động của đơn vị.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (*theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp*): Thực hiện theo quy định hiện hành, ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên theo quy định. Trên cơ sở quỹ tiền lương, phụ cấp, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, đặc thù và chi hoạt động thường xuyên được Nhà nước bổ sung tối đa bằng định mức phân bổ tương ứng với lĩnh vực hoạt động của đơn vị.

d) Đối với chi sự nghiệp cấp tỉnh: Định mức là cơ sở để xác định nguồn phân bổ dự toán chi cho các đơn vị sự nghiệp do tỉnh quản lý. Việc phân bổ và giao dự toán cho từng đơn vị được tính giao theo quy định chung đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và tài chính.

đ) Ngoài dự toán được giao theo định mức phân bổ, các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách còn được phân bổ thêm dự toán (*kinh phí không tự chủ*) để thực hiện một số chương trình, nhiệm vụ cụ thể được cấp thẩm quyền giao.

4. Định mức chi theo các tiêu chí phân bổ cho các lĩnh vực chi tại Chương II của quy định này đã bao gồm các khoản chi nghiệp vụ, mua sắm, sửa chữa,...

Riêng đối với các đơn vị dự toán cấp tỉnh, định mức phân bổ đã tính cân đối chi mua sắm, sửa chữa tài sản với mức chi không quá 40 triệu đồng cho một tài sản mua sắm hoặc một lần sửa chữa (*đối với đơn vị có từ 30 biên chế trở lên*); 30 triệu đồng (*đối với đơn vị có từ 20 đến dưới 30 biên chế*) và 20 triệu đồng (*đối với các đơn vị có dưới 20 biên chế*). Trường hợp các cơ quan, đơn vị phải mua sắm, sửa chữa tài sản trị giá trên 40 triệu đồng (*đối với đơn vị có từ 30 biên chế trở lên*); 30 triệu đồng (*đối với đơn vị có từ 20 đến dưới 30 biên chế*) và trên 20 triệu đồng (*đối với đơn vị có dưới 20 biên chế*), nếu được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thì sẽ được bổ sung thêm phần chi phí chênh lệch vượt trên 40 triệu đồng (*đối với đơn vị có từ 30 biên chế trở lên*); trên 30 triệu đồng (*đối với đơn vị có từ 20 đến dưới 30 biên chế*) và trên 20 triệu đồng (*đối với đơn vị có dưới 20 biên chế*), các cơ quan, đơn vị tự cân đối thanh toán 40 triệu đồng (*hoặc 30 triệu đồng, 20 triệu đồng*) từ nguồn kinh phí trong dự toán được giao.

Trường hợp do nhu cầu thực tế trong năm đơn vị phải sửa chữa nhiều lần và mức sửa chữa mỗi lần vượt trên mức tự cân đối thì sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý từng trường hợp cụ thể đối với phần kinh phí đơn vị tự cân đối theo quy định.

Đối với các tài sản mang tính chuyên dùng, có giá trị lớn khi cần trang bị các cơ quan, đơn vị phải xây dựng phương án trang bị cụ thể trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Trong định mức phân bổ dự toán chi cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh chưa bao gồm các nhiệm vụ chi hoạt động mang tính đặc thù; nhiệm vụ chi không thường xuyên như: Chi đại hội theo nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức các ngày lễ, hội; phục vụ công tác điều hành, lãnh đạo, tiếp tân, khánh tiết của Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Định mức phân bổ dự toán chi cho huyện, thị xã, thành phố (*gọi chung là cấp huyện*) là căn cứ để phân bổ ngân sách, tạo nguồn cho cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ chi được phân cấp; không phải là định mức phân bổ ngân sách cho từng lĩnh vực chi và đơn vị thụ hưởng ngân sách (*trừ những lĩnh vực không được phân bổ thấp hơn tỉnh giao, được quy định tại quyết định giao dự toán*).

Căn cứ dự toán chi được phân bổ, các huyện, thị xã, thành phố tính toán, xác định lại mức chi để làm cơ sở phân bổ dự toán chi cho các đơn vị dự toán trực thuộc, cần lưu ý cân đối nguồn để bố trí cho các nhiệm vụ chi như: Phục vụ công tác điều hành của lãnh đạo, tiếp tân, khánh tiết của Ủy ban nhân dân cấp huyện; kinh phí khen thưởng; đại hội theo nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị - xã hội; mua sắm, sửa chữa tài sản có giá trị lớn,...

Trên cơ sở tổng mức dự toán ngân sách được giao, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập phương án phân bổ dự toán chi cho từng lĩnh vực, từng đơn vị dự toán trực thuộc và từng xã, phường, thị trấn phù hợp với tình hình và điều kiện cụ thể, trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định.

7. Định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương có thể được xem xét điều chỉnh trong trường hợp cấp thẩm quyền ban hành các định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu mới có liên quan trực tiếp đến những tiêu chí làm cơ sở cho việc phân bổ dự toán chi.

Ngoài ra, trong thời kỳ ổn định ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, tùy theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách.

Điều 2. Phương pháp xác định một số tiêu chí, căn cứ của định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước

1. Về dân số:

Số dân của từng đơn vị cấp huyện, xã được xác định theo số liệu do Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh công bố năm 2021 để tính toán dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022 và giữ ổn định trong cả thời kỳ ổn định ngân sách Nhà nước, không thực hiện xác định lại đối với những nội dung liên quan đến chỉ tiêu này.

2. Về biên chế:

Biên chế được xác định trên cơ sở số biên chế có mặt (*biên chế được cấp thẩm quyền giao*) tính đến thời điểm tháng 9 năm trước năm dự toán.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

1. Đối với dự toán chi hoạt động kinh tế:

a) Tiêu chí phân bổ:

- Chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công, cầu đường, các công trình giao thông, thủy lợi; các hoạt động sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp; công tác đo, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính; điều tra cơ bản, cấp thoát nước, kiến thiết thị chính, công nghệ thông tin và các sự nghiệp kinh tế khác,... tính phân bổ theo nhiệm vụ, công việc được giao trên cơ sở các định mức kinh tế, kỹ thuật, chi phí,... theo quy định hiện hành cho từng lĩnh vực, nhiệm vụ chi cụ thể trong phạm vi khả năng nguồn vốn ngân sách.

- Đối với đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên:

+ Đối với nhóm chi cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (*trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao*).

+ Kinh phí hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ: Tính theo số biên chế được cấp thẩm quyền giao.

b) Định mức phân bổ: Đối với đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên:

(*Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm*)

Số biên chế/đơn vị	Định mức phân bổ
- Dưới 10 biên chế	21
- Từ biên chế thứ 10 đến biên chế thứ 15	20
- Từ biên chế thứ 16 trở lên	19

2. Đối với dự toán chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:

Tiêu chí phân bổ: Phân bổ theo công việc được giao trên cơ sở quy định hiện hành về định mức kinh tế, kỹ thuật, chi phí,... Dự toán giao theo kế hoạch bảo vệ môi trường và các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm.

3. Đối với dự toán chi sự nghiệp giáo dục:

a) Tiêu chí phân bổ:

- Đối với công tác trực tiếp giảng dạy:

+ Đối với nhóm chi cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (*trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao*).

+ Kinh phí hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ: Theo số biên chế được cấp thẩm quyền giao.

- Đối với các nhiệm vụ chi thuộc hoạt động sự nghiệp giáo dục khác (*bao gồm các khoản chi: trang bị sách, dụng cụ, thiết bị phục vụ công tác giảng dạy, học tập; chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập; các hoạt động phong trào, các công tác mang tính chất chỉ đạo, hướng dẫn, phục vụ hoạt động chung của ngành,...*): Phân bổ dự toán chi theo nhiệm vụ cụ thể, nhưng tối đa không quá 10%/tổng mức chi sự nghiệp giáo dục do cấp tỉnh quản lý.

b) Định mức phân bổ:

(Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm)

Cấp học	Định mức phân bổ
- Trung học phổ thông	13
- Trung học phổ thông chuyên	19
- Trung học phổ thông dân tộc nội trú	24

4. Đối với dự toán chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề (*chuyên nghiệp*):

a) Tiêu chí phân bổ:

- Đối với nhóm chi cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (*trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao*).

- Kinh phí hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ: Theo số biên chế được cấp thẩm quyền giao.

- Chi mở các lớp đào tạo của Trường Chính trị Châu Văn Đăng: Theo chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo trên cơ sở các chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi tiêu ngân sách hiện hành.

- Các hoạt động đào tạo khác: Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Nhà nước theo quy hoạch chung (*bao gồm cả các lớp đào tạo tập trung, tại chức, bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn*); các đối tượng khác: phân bổ trên cơ sở kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, đối tượng khác được cấp thẩm quyền duyệt.

b) Định mức phân bổ:

(Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm)

Cấp học	Định mức phân bổ
- Đại học, cao đẳng	21
- Trung học chuyên nghiệp	19
- Dạy nghề phổ thông	17

5. Đối với dự toán chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

a) Tiêu chí phân bổ:

- Kinh phí hoạt động thường xuyên theo biên chế: Theo số biên chế được cấp thẩm quyền giao.

- Kinh phí hoạt động thường xuyên theo dân số: Tính theo dân số tỉnh Bạc Liêu năm 2022 và áp dụng ổn định trong thời kỳ ổn định ngân sách (hàng năm không tính lại chỉ tiêu này).

- Các hoạt động sự nghiệp y tế khác (bao gồm các khoản chi cho các hoạt động mang tính chất chỉ đạo, phục vụ hoạt động chung của ngành): Phân bổ dự toán chi theo nhiệm vụ cụ thể, nhưng tối đa không quá 0,5%/tổng mức chi sự nghiệp y tế tỉnh quản lý.

- Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng (trẻ em dưới 06 tuổi; người hiến bộ phận cơ thể; người cận nghèo; học sinh, sinh viên; người nghèo) và hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: Theo số lượng đối tượng thực tế của địa phương và mức chi do Trung ương quy định.

- Kinh phí khám chữa bệnh cho người nghèo: Phân bổ dự toán theo đối tượng và mức chi do cấp thẩm quyền quy định.

* Đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập:

Nhóm 1: Các Trung tâm y tế đa chức năng (Trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố):

- Công tác chữa bệnh:

+ Đối với nhóm chi cho con người: Đơn vị tự đảm bảo từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp.

+ Kinh phí hoạt động thường xuyên theo biên chế: Đối với đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên thì chi từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp. Đối với các đơn vị còn lại, ngân sách hỗ trợ theo số biên chế được cấp thẩm quyền giao nhân (x) định mức phân bổ và hàng năm thực hiện giảm trừ theo loại hình tự chủ tài chính của từng đơn vị.

- Bộ phận quản lý:

+ Ngân sách Nhà nước đảm bảo nhóm chi con người theo biên chế được giao (*số có mặt thực tế*) đến khi hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công tính đủ chi phí quản lý.

+ Kinh phí hoạt động thường xuyên theo biên chế: Ngân sách hỗ trợ theo số biên chế được cấp thẩm quyền giao nhân (x) định mức phân bổ và hàng năm thực hiện giảm trừ đến khi hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công tính đủ chi phí quản lý.

- Hoạt động y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe, dân số, an toàn thực phẩm, hoạt động của các trạm y tế xã, phường, thị trấn:

+ Đối với nhóm chi cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (*trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao*).

+ Kinh phí hoạt động thường xuyên theo biên chế: Theo số biên chế được cấp thẩm quyền giao nhân (x) định mức phân bổ.

Nhóm 2: Các đơn vị sự nghiệp được giao biên chế còn lại, bao gồm cả Bệnh viện lao và Bệnh phổi, Bệnh viện chuyên khoa tâm thần:

- Đối với nhóm chi cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (*trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao*).

- Kinh phí hoạt động thường xuyên theo biên chế: Theo số biên chế được cấp thẩm quyền giao nhân (x) định mức phân bổ và hàng năm thực hiện giảm trừ theo loại hình tự chủ tài chính của từng đơn vị.

* Đối với Bệnh viện Quân dân y tỉnh Bạc Liêu: Hỗ trợ đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (*Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ*).

* Công tác kiểm soát bệnh tật:

- Đối với nhóm chi cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (*trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao*).

- Kinh phí hoạt động thường xuyên theo dân số: Tính theo dân số.

b) Định mức phân bổ:

- Định mức phân bổ theo biên chế:

(Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm)

Số biên chế/đơn vị	Định mức phân bổ
- Dưới 10 biên chế	21
- Từ biên chế thứ 10 biên chế thứ 15	20
- Từ biên chế thứ 16 trở lên	19

- Định mức phân bổ theo dân số: 3.150 đồng/người dân/năm.

6. Đối với dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:

a) Tiêu chí phân bổ:

- Đối với nhóm chi cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (*trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao*).

- Kinh phí hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ: Theo số biên chế được cấp thẩm quyền giao.

- Phân bổ chi sự nghiệp khoa học - công nghệ thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh.

b) Định mức phân bổ:

(Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm)

Số biên chế/đơn vị	Định mức phân bổ
- Dưới 10 biên chế	21
- Từ biên chế thứ 10 đến biên chế thứ 15	20
- Từ biên chế thứ 16 trở lên	19

7. Đối với dự toán chi sự nghiệp văn hóa thông tin:

a) Tiêu chí phân bổ:

- Đối với nhóm chi cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (*trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao*).

- Kinh phí hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ: Theo số biên chế được cấp thẩm quyền giao.

- Đối với những khoản chi có tính chất hoạt động đặc thù của ngành: Theo nội dung, nhiệm vụ cụ thể được giao.

b) Định mức phân bổ:

(Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm)

Số biên chế/đơn vị	Định mức phân bổ
- Dưới 10 biên chế	21
- Từ biên chế thứ 10 đến biên chế thứ 15	20
- Từ biên chế thứ 16 trở lên	19

8. Đối với dự toán chi sự nghiệp thể dục thể thao:

a) Tiêu chí phân bổ:

- Đối với nhóm chi cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (*trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao*).

- Kinh phí hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ: Theo số biên chế được cấp thẩm quyền giao.

- Đối với những khoản chi có tính chất hoạt động đặc thù của ngành: Theo nội dung, nhiệm vụ cụ thể được giao.

b) Định mức phân bổ:

(Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm)

Số biên chế/đơn vị	Định mức phân bổ
- Dưới 10 biên chế	21
- Từ biên chế thứ 10 đến biên chế thứ 15	20
- Từ biên chế thứ 16 trở lên	19

9. Đối với dự toán chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình:

a) Tiêu chí phân bổ:

- Đối với nhóm chi cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (*trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao*).

- Kinh phí hoạt động thường xuyên (*đối với đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên theo định mức*) mức phân bổ: Theo số biên chế được cấp thẩm quyền giao.

b) Định mức phân bổ:

(Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm)

Số biên chế/đơn vị	Định mức phân bổ
- Dưới 10 biên chế	21
- Từ biên chế thứ 10 đến biên chế thứ 15	20
- Từ biên chế thứ 16 trở lên	19

10. Đối với dự toán chi đảm bảo xã hội:

a) Tiêu chí phân bổ:

- Đối với các hoạt động đảm bảo xã hội: phân bổ theo từng nội dung, nhiệm vụ, công việc, hoạt động cụ thể trên cơ sở các chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi tiêu ngân sách hiện hành.

- Đối với đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên:
- + Đối với nhóm chi cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (*trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao*).
- + Kinh phí hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ: Tính theo số biên chế được cấp thẩm quyền giao.

b) Định mức phân bổ:

(Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm)

Số biên chế/đơn vị	Định mức phân bổ
- Dưới 10 biên chế	21
- Từ biên chế thứ 10 đến biên chế thứ 15	20
- Từ biên chế thứ 16 trở lên	19

11. Đối với dự toán chi quản lý hành chính:

a) Tiêu chí phân bổ:

- Đối với đơn vị các cơ quan Đảng, Mặt trận, Đoàn thể, cơ quan quản lý Nhà nước:

+ Đối với nhóm chi cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (*trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao*).

+ Kinh phí hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ: Tính theo số biên chế được cấp thẩm quyền giao.

- Đối với đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên:

+ Đối với nhóm chi cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (*trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao*).

+ Kinh phí hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ: Tính theo số biên chế được cấp thẩm quyền giao.

- Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao biên chế: Thực hiện khoán kinh phí theo định mức phân bổ số biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

Kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao. Được dự toán tổng mức chi, sau đó sẽ xác định mức chi hỗ trợ cho từng đơn vị cụ thể theo nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao.

- Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

- Bổ sung nguồn để thực hiện các nhiệm vụ như: Chi thực hiện chính sách; đại hội theo nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị - xã hội; chi phục vụ công tác điều hành, lãnh đạo, tiếp tân, khánh tiết,... của Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh; kinh phí đặc thù, thực hiện chính sách nhiệm vụ chính trị của Đảng; kinh phí giải quyết khiếu nại, tố cáo; kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ đặc thù của các đơn vị; kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh, mức chi cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

b) Định mức phân bổ:

- Định mức đối với cơ quan Đảng, Mặt trận, Đoàn thể, cơ quan quản lý Nhà nước:

(Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm)

Nội dung	Đảng, Mặt trận, Đoàn thể, cơ quan quản lý Nhà nước
- Dưới 11 biên chế	32
- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	29
- Từ biên chế thứ 21 đến biên chế thứ 40	28
- Từ biên chế thứ 41 đến biên chế thứ 60	27
- Từ biên chế thứ 61 trở lên	26

- Định mức đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp:

(Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm)

Số biên chế/đơn vị	Định mức phân bổ
- Dưới 10 biên chế	21
- Từ biên chế thứ 10 đến biên chế thứ 15	20
- Từ biên chế thứ 16 trở lên	19

12. Đối với dự toán chi quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội:

Căn cứ theo các nội dung, công việc thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định (bao gồm kinh phí thực hiện Luật Dân quân tự vệ, Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên,...) để bố trí chi thường xuyên.

13. Chi khác ngân sách:

- Chi hỗ trợ các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của địa phương.

- Phân bổ theo từng nội dung, nhiệm vụ chi được xác định.

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước cho các huyện, thị xã, thành phố

1. Tiêu chí, định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế:

- Kinh phí xử lý kiến nghị của cử tri: 550 triệu đồng/đơn vị cấp huyện.

- Công tác kiến thiết thị chính, chỉnh trang đô thị, lập kế hoạch sử dụng đất và thực hiện các nhiệm vụ khác: 5.000 triệu đồng/đơn vị cấp huyện.

- Thành phố Bạc Liêu và thị xã Giá Rai được bổ sung thêm theo tiêu chí đô thị: thành phố Bạc Liêu: 25.000 triệu đồng; thị xã Giá Rai: 10.000 triệu đồng.

- Đối với đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên:

+ Đối với nhóm chi cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (*trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao*).

+ Kinh phí hoạt động thường xuyên: Tính theo biên chế, định mức phân bổ là 19.000.000 đồng/biên chế/năm.

Tiêu chí, định mức bổ sung: Căn cứ những chế độ, chính sách của từng năm được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, mức hỗ trợ theo số được Trung ương phân bổ, chế độ quy định và bổ sung thêm nhiệm vụ như:

- Kinh phí hỗ trợ sử dụng giá dịch vụ, sản phẩm công trình thủy lợi (*cấp bù thủy lợi phí*).

- Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa,...

- Chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công, cầu đường, các công trình giao thông, thủy lợi; các hoạt động sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp; công tác đo, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính; điều tra cơ bản, cấp thoát nước, kiến thiết thị chính, công nghệ thông tin và các sự nghiệp kinh tế khác,... tính phân bổ theo nhiệm vụ, công việc được giao trong phạm vi khả năng nguồn vốn ngân sách.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:

a) Tiêu chí phân bổ:

- Tính theo dân số ở khu vực đô thị và nông thôn, bao gồm cả chi lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường.

- Bổ sung theo nhiệm vụ bảo vệ môi trường được cấp thẩm quyền phê duyệt (*nếu có*).

b) Định mức phân bổ:

(Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm)

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị (phường, thị trấn)	20.500
Nông thôn (xã)	8.500

Riêng thị xã Giá Rai được bổ sung thêm kinh phí là 4.000 triệu đồng để thực hiện nhiệm vụ đô thị.

3. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục:

a) Tiêu chí phân bổ:

- Đối với nhóm chi cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao).

- Kinh phí hoạt động thường xuyên: Tính theo biên chế, định mức phân bổ.

b) Định mức phân bổ:

Kinh phí hoạt động thường xuyên: Định mức phân bổ 13 triệu đồng/biên chế.

c) Tiêu chí, định mức bổ sung: Ngoài định mức nêu trên, mỗi huyện, thị xã thành phố còn được bổ sung thêm 5.000 triệu đồng/đơn vị để sửa chữa phòng học và xây dựng, sửa chữa các công trình phụ (hàng rào, sân, nhà vệ sinh,...), mua sắm trang thiết bị của các trường do cấp huyện quản lý.

4. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

a) Tiêu chí phân bổ:

- Đối với nhóm chi cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao).

- Kinh phí hoạt động thường xuyên: Định mức phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện nhiệm vụ chi hoạt động của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Trung tâm bồi dưỡng chính trị và một số nhiệm vụ đào tạo khác của các huyện, thị xã, thành phố (trong đó, thành phố Bạc Liêu không có Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên).

b) Định mức phân bổ:

(Đơn vị tính: Triệu đồng/ đơn vị /năm)

Loại sự nghiệp	Định mức phân bổ	
	Huyện, thị xã	Thành phố
Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	3.500	2.200

5. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

Kinh phí mua bảo hiểm y tế: Cho các đối tượng bảo trợ xã hội; cho cựu chiến binh, cho đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước; cho đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp nước bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc: Theo số lượng đối tượng thực tế của địa phương và mức chi do Trung ương quy định.

6. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin:

a) Tiêu chí phân bổ:

- Đối với nhóm chi cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (*trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao*).

- Kinh phí hoạt động thường xuyên: Tính theo dân số.

b) Định mức phân bổ:

(Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm)

Loại sự nghiệp	Định mức phân bổ	
	Huyện	Thành phố, thị xã
Sự nghiệp văn hóa thông tin	4.300	5.500

Định mức trên bao gồm: Kinh phí để chi cho Ban chỉ đạo đời sống văn hóa khu dân cư; kinh phí hoạt động của thư viện.

c) Tiêu chí, định mức bổ sung:

- Hỗ trợ kinh phí cho Cổng Thông tin điện tử cấp huyện là 100 triệu đồng/năm.

- Hỗ trợ kinh phí duy trì các hoạt động nghiệp vụ và phục vụ nhiệm vụ chính trị của thiết chế văn hoá, thể thao ở nông thôn mức chi: Trung tâm văn hóa xã - Thể thao xã: 20 triệu đồng/năm; Nhà văn hóa - khu thể thao ấp: 05 triệu đồng/năm.

7. Tiêu chí, định mức phân bổ chi thể dục thể thao:

a) Tiêu chí phân bổ:

- Đối với nhóm chi cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (*trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao*).

- Kinh phí hoạt động thường xuyên: Tính theo dân số.

b) Định mức phân bổ:

(Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm)

Loại sự nghiệp	Định mức phân bổ	
	Huyện	Thành phố, thị xã
Thể dục thể thao	1.000	1.200

8. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền thanh:

a) Tiêu chí phân bổ:

- Đối với nhóm chi cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao).

- Kinh phí hoạt động thường xuyên: Tính theo dân số.

b) Định mức phân bổ:

(Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm)

Loại sự nghiệp	Định mức phân bổ	
	Huyện	Thành phố, thị xã
Phát thanh, truyền thanh	2.900	3.700

9. Tiêu chí, định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội:

a) Tiêu chí phân bổ: Tính theo dân số, để thực hiện một số chính sách xã hội trên địa bàn

b) Định mức phân bổ:

(Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm)

Loại sự nghiệp	Định mức phân bổ
	Huyện, thành phố, thị xã
Đảm bảo xã hội	6.500

c) Tiêu chí, định mức bổ sung:

- Kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội, phân bổ trên cơ sở số giao dự toán của Trung ương.

- Kinh phí chi hoạt động, quản lý đối tượng bảo trợ xã hội, mức chi hoạt động là 30 triệu đồng/huyện/năm và chi thù lao cho cán bộ trực tiếp chi trả trợ cấp 500.000 đồng/tháng/xã, phường, thị trấn.

- Quà tặng cho người cao tuổi: Dự toán ngân sách hàng năm trên cơ sở số đối tượng thực tế của địa phương năm trước nhân (x) với mức chi theo quy định.

- Riêng thành phố Bạc Liêu được bổ sung thêm kinh phí cho Trung tâm bảo trợ xã hội gồm: Đảm bảo nhóm chi con người theo biên chế được cấp thẩm quyền giao và kinh phí hoạt động với mức 19.000.000 đồng/năm/biên chế.

10. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:

Phân bổ theo mức bình quân 400 triệu đồng/năm/đơn vị cấp huyện, để thực hiện các mô hình ứng dụng khoa học - công nghệ.

11. Tiêu chí, định mức phân bổ chi quản lý hành chính:

a) Tiêu chí phân bổ:

- Đối với nhóm chi cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (*trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao*), phụ cấp đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, phụ cấp cấp ủy cấp huyện tính theo số đại biểu có mặt.

- Theo số lượng xã, phường, thị trấn trên địa bàn.
- Theo số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện.
- Theo số lượng đại biểu cấp ủy cấp huyện.

b) Định mức phân bổ:

- Kinh phí hoạt động thường xuyên: Tính theo số biên chế được giao.

(Đơn vị tính: 1.000 đồng/biên chế/năm)

Phân loại	Định mức phân bổ
Quản lý Nhà nước, Đảng, Mặt trận, Đoàn thể (<i>Tổ chức chính trị - xã hội</i>)	32.000

c) Tiêu chí, định mức bổ sung:

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động đặc thù cơ quan Đảng: 1.350 triệu đồng/năm để thực hiện một số nhiệm vụ chi theo quy định.

- Phụ cấp cấp ủy.
- Phụ cấp báo cáo viên theo quy định.
- Kinh phí phụ cấp đại biểu Hội đồng nhân dân.
- Phụ cấp cho cán bộ kiêm nhiệm Trung tâm học tập cộng đồng.
- Bổ sung tạo nguồn (*theo tiêu chí số lượng đơn vị cấp xã trên địa bàn*), mức chi mỗi đơn vị: 80 triệu đồng/đơn vị xã/năm.
- Kinh phí hoạt động trung tâm hành chính công cấp huyện: 100 triệu/năm.

- Hỗ trợ kinh phí cho các hội nghề nghiệp bao gồm chi thù lao cho người đứng đầu hội cấp xã: 1.500 triệu đồng/năm.

- Kinh phí hoạt động Hội đồng nhân dân cấp huyện, bao gồm hoạt động giám sát, trang phục đại biểu: 850 triệu đồng/năm.

- Kinh phí thù lao cho hòa giải cơ sở tạm giao mỗi đơn vị huyện, thị xã, thành phố: 100 triệu đồng.

12. Tiêu chí, định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội:

a) Tiêu chí phân bổ: Tính theo dân số.

b) Định mức phân bổ:

- Chi công tác an ninh: 1.200 đồng/người dân/năm.

- Chi công tác quốc phòng (*bao gồm kinh phí tuyển quân, đưa quân, khám tuyển tuổi 17,...*): 6.000 đồng/người dân/năm.

c) Tiêu chí, định mức bổ sung:

- Kinh phí huấn luyện dân quân tự vệ thực hiện theo các chế độ, chính sách quy định.

- Hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh.

- Phụ cấp lực lượng bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn: Căn cứ khả năng ngân sách sẽ phân bổ hỗ trợ để đảm bảo các nhiệm vụ của địa phương.

13. Phân bổ dự toán chi khác ngân sách:

Mỗi đơn vị huyện, thị xã, thành phố được phân bổ 2.500 triệu đồng để chi đại hội nhiệm kỳ, ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh trên địa bàn.

Điều 5. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước cho xã, phường, thị trấn (*gọi chung là cấp xã*)

1. Tiêu chí, định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế:

Thực hiện công tác duy tu, sửa chữa công trình công cộng. Định mức phân bổ theo số đơn vị cấp xã, mỗi đơn vị: 220 triệu đồng/năm.

2. Dự toán chi đảm bảo xã hội:

Hỗ trợ kinh phí hoạt động thực hiện nhiệm vụ bảo trợ xã hội. Định mức phân bổ theo số đơn vị cấp xã, mỗi đơn vị: 10 triệu đồng/năm.

3. Tiêu chí, định mức phân bổ chi quản lý hành chính:

a) Tiêu chí phân bổ:

- Đối với nhóm chỉ cho con người: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo số người có mặt thực tế (*trong chỉ tiêu biên chế được cấp thẩm quyền giao*), gồm tiền lương cán bộ, công chức chuyên trách và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã; phụ cấp cán bộ khóm, ấp; phụ cấp cấp ủy Đảng; phụ cấp đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã theo số đại biểu có mặt.

- Kinh phí hoạt động thường xuyên:

- + Theo số lượng đơn vị cấp xã, loại xã.
- + Theo số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.
- + Theo số lượng đại biểu cấp ủy cấp xã.
- + Theo số khóm, ấp trên địa bàn xã.
- + Theo số tổ hòa giải cơ sở trên địa bàn xã.

b) Định mức phân bổ:

- Kinh phí hoạt động thường xuyên phân bổ theo loại xã: Đối với xã loại I là 616 triệu đồng/đơn vị cấp xã/năm; xã loại II là 604 triệu đồng/đơn vị cấp xã/năm.

- Kinh phí hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: Mức chi 1,7 triệu đồng/đại biểu/năm.

- Hỗ trợ kinh phí cho Đảng ủy cấp xã: 60 triệu đồng/đơn vị cấp xã/năm.

- Mua sắm tài sản và sửa chữa cơ quan phân bổ mỗi xã: 80 triệu đồng/đơn vị cấp xã/năm.

- Kinh phí hoạt động Ban thanh tra Nhân dân cấp xã: 05 triệu đồng/đơn vị cấp xã/năm.

- Khoán kinh phí hoạt động khóm, ấp phân bổ theo đơn vị số khóm, ấp trên địa bàn cấp xã, mức phân bổ: 12 triệu đồng/đơn vị khóm, ấp/năm.

- Kinh phí hoạt động tổ hòa giải cơ sở, mức phân bổ: 1,2 triệu đồng/tổ hòa giải cơ sở/năm.

4. Dự toán phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin:

Kinh phí thực hiện Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, văn minh đô thị*” được phân bổ cụ thể:

- Kinh phí đảm bảo thực hiện Cuộc vận động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã: 20.000.000 đồng/năm/xã. Đối với các xã thuộc vùng khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; xã thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn (*xã khu vực III*) vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi (*theo quy định hiện hành*); địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn

vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (theo quy định hiện hành): 25.000.000 đồng/năm/xã.

- Hỗ trợ đối với Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư theo mức: Khu dân cư có quy mô dân số dưới 700 hộ dân: 5.000.000 đồng/năm/khu dân cư. Khu dân cư có quy mô dân số cứ tăng thêm 200 hộ dân thì được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/năm/khu dân cư. Đối với các khu dân cư của các xã thuộc vùng khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; xã thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi (theo quy định hiện hành); địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (theo quy định hiện hành). Ngoài mức hỗ trợ theo quy định trên thì được bố trí thêm 1.000.000 đồng/năm/khu dân cư.

- Kinh phí thực hiện tuyên truyền, vận động chấp hành pháp luật trong cộng đồng dân cư, tổ chức giám sát đầu tư cộng đồng,... phân bổ theo số lượng nhóm, ấp là 5.000.000 đồng/năm.

5. Phân bổ dự toán chi khác ngân sách:

Phân bổ mỗi đơn vị: 10 triệu đồng/đơn vị cấp xã/năm, bao gồm: Hỗ trợ nâng cấp, bảo trì phần mềm quản lý và thực hiện một số nhiệm vụ khác của cấp xã,...

Điều 6. Dự phòng ngân sách các cấp

Dự phòng ngân sách địa phương của từng địa phương là 2% tổng chi ngân sách địa phương./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH